

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa		
1.1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của thiết bị, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ (các thiết bị được đánh giá theo yêu cầu về kỹ thuật tại điểm 1.2 Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2 của E-HSMT).	<p>- E-HSDT phải đính kèm Bản tuyên bố đáp ứng kỹ thuật: Trong mục chỉ dẫn đáp ứng có ghi rõ nội dung đáp ứng thể hiện trong tài liệu đề xuất về mặt kỹ thuật (chỉ dẫn đúng tên tài liệu, trang, mục,... để tham chiếu); Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật sang tiếng Việt.</p> <p>- Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ của thiết bị mà nhà thầu kê khai hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Mục IV Chương V Phần 2 của E-HSMT.</p> <p>- Nhà thầu phải nêu rõ: ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất), hãng sản xuất của hàng hóa dự thầu.</p> <p>- Thông số kỹ thuật trong catalogue (hoặc tài liệu kỹ thuật) phải phù hợp, logic với thông số kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu kê khai.</p> <p>- Cam kết đầy đủ theo yêu cầu tại điểm 1.2, 1.3 Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2 của E-HSMT.</p>	<p>- Không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ thông số kỹ thuật đối với các loại hàng hóa dự thầu so với hàng hóa mời thầu hoặc có kê khai thông số kỹ thuật nhưng không đầy đủ các loại hàng hóa dự thầu so với hàng hóa mời thầu.</p> <p>Hoặc: - Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ của hàng hóa mà nhà thầu kê khai không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Mục IV Chương V Phần 2 của E-HSMT.</p> <p>Hoặc: - Nhà thầu không nêu đầy đủ ít nhất 01 trong các nội dung: ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất), hãng sản xuất của hàng hóa dự thầu.</p> <p>Hoặc: - Thông số kỹ thuật trong catalogue (hoặc tài liệu kỹ thuật) không phù hợp, không logic với thông số kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu kê khai.</p> <p>Hoặc: - Nêu thiếu hoặc không đầy đủ cam kết theo yêu cầu tại điểm 3.2 khoản 3 Mục IV Chương V Phần 2 của E-HSMT.</p>

TT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
2	Giải pháp kỹ thuật		
2.1	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế, đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ	Không đầy đủ các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hoặc có nhưng không hợp lý.
3	Tiến độ cung cấp, lắp đặt hàng hóa, thiết bị		
3.1	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E- HSMT	Có bảng tiến độ chi tiết kèm theo thuyết minh chi tiết, cụ thể. Trong đó phải thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu - kết thúc của từng nội dung công việc, tuy nhiên tổng tiến độ không vượt thời gian 30 ngày theo quy định của E-HSMT. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cung ứng và tập kết thiết bị đến đơn vị sử dụng. - Thời gian thi công các hệ thống kỹ thuật, lắp đặt thiết bị tại đơn vị sử dụng - Thời gian nghiệm thu, bàn giao, hướng dẫn vận hành ... 	Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, thời gian thi công vượt so với yêu cầu của E HSMT.
4	Bảo hành, khắc phục sự cố và uy tín của nhà thầu		
4.1	Bảo hành	Tối thiểu 12 tháng và theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất/hãng sản xuất tính từ thời điểm nhà thầu nghiệm thu bàn giao cho đơn vị sử dụng tài sản	Thời gian bảo hành < 12 tháng và không tuân theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất/hãng sản xuất tính từ thời điểm nhà thầu nghiệm thu bàn giao cho đơn vị sử dụng tài sản;
4.2	Khắc phục sự cố trong thời gian bảo hành	Cam kết thời gian hoàn thành khắc phục sự cố trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.	Không cam kết hoặc cam kết thời gian hoàn thành khắc phục sự cố \geq 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

TT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
4.3	Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	Nhà thầu có cam kết từ ngày 01/01/2023 đến ngày có thời điểm đóng thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa vi phạm theo quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 (Đối với hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu: Nhà thầu phải có <02 hợp đồng)	Một trong các trường hợp sau: 1. Không có cam kết 2. Có cam kết nhưng không đầy đủ nội dung như yêu cầu 3. Có tài liệu chứng minh từ ngày 01/01/2023 đến ngày có thời điểm đóng thầu nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa vi phạm theo quy định tại khoản 3, 5, 6 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 (Đối với hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu: Nhà thầu có \geq 02 hợp đồng)
	KẾT LUẬN	ĐẠT (Khi tất cả các yêu cầu chi tiết được đánh giá là “Đạt”)	KHÔNG ĐẠT (Khi có bất kỳ 01 tiêu chí chi tiết được đánh giá là “Không đạt”)

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất
Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.